

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NK
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11/8/2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NK, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Hồ Thị Kim Luyến

2/ Ông Phan Công Ny

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ An Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân quận NK, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận NK, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 364/2022/TLST-HN ngày 22 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 540/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1979

ĐKTT: 133/44 P, phường T, quận NK, thành phố Cần Thơ

Chỗ ở hiện nay: Cạnh 141/BT, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ

Bị đơn: Ông Lương Lê Tuấn H, sinh năm 1982

ĐKTT: 133/44 P, phường T, quận NK, thành phố Cần Thơ

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2022 và bản tự khai nguyên đơn – bà Trần Thị Đ trình bày:

Bà và ông Lương Lê Tuấn H tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2002. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, tuy nhiên khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Bà và con gái về nhà cha mẹ ruột bà sinh sống. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H. Trong thời gian chung sống bà Đ và ông H có 01 con chung tên Lương Trần Huỳnh M (nữ) sinh ngày 29/10/2001; bà và ông H không có tài sản chung và không có nợ chung.

Bị đơn – ông Lương Lê Tuấn H trình bày về vấn đề hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung có nội dung như bà Đ trình bày. Đồng thời, ông H đồng ý với

yêu cầu ly hôn của bà Đ .

Do bà Đ có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, mặt khác cả bà Đ và ông H có đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện nên vụ kiện thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ kiện được đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa: Bà Đ và ông H vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trần Thị Đ và ông Lương Lê Tuấn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 115 ngày 31/12/2002 nên là hôn nhân hợp pháp. Bà Trần Thị Đ khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lương Lê Tuấn H nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn”, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận NK theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Trần Thị Đ và ông Lương Lê Tuấn H có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Đ và ông H.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ:

Theo Bà Trần Thị Đ trình bày thì trong quá trình chung sống giữa bà và ông Lương Lê Tuấn H phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống không được hạnh phúc. Do đó, bà Đ chuyển về nhà cha mẹ ruột sinh sống nên ông bà đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông H. Ông Lương Lê Tuấn H cũng thống nhất với yêu cầu ly hôn của bà Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau. Tuy nhiên, bà Đ và ông H đã sống ly thân trong thời gian tương đối dài. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa bà Đ và ông H mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Đ là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà Đ và ông H trình bày có 01 con chung tên Lương Trần Huỳnh M (nữ) sinh ngày 29/10/2001. Tính đến thời điểm xét xử thì con chung của bà Đ và ông H đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ và ông H trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có đơn kiện sẽ được xem xét giải quyết thành vụ kiện khác.

[3] Về án phí: Bà Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;
- Các Điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Trần Thị Đ.
 - Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Đ được ly hôn với ông Lương Lê Tuấn H.
 - Về con chung: Bà Trần Thị Đ và ông Lương Lê Tuấn H có 01 con chung đã trưởng thành tên Lương Trần Huỳnh M (nữ) sinh ngày 29/10/2001.
 - Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có đơn kiện sẽ được xem xét giải quyết thành vụ kiện khác.
2. Về án phí: Bà Trần Thị Đ phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, cần trừ vào 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí bà Đ đã nộp theo biên lai thu số 0000625 ngày 06/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận NK, thành phố Cần Thơ thì bà Đ đã nộp đủ tiền án phí.
3. Bà Trần Thị Đ và ông Lương Lê Tuấn H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDQNK;
- CCTHADSQNK;
- UBND P. T,
Q.NK, TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Thúy Mai